

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1263/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-11-2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 581/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Võ Ngọc H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Châu Minh C**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(bà H và ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/4/2019, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà **Võ Ngọc H** trình bày: Bà **Võ Ngọc H** và ông **Châu Minh C** chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến tháng 6 năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã nhau, ông C không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện bà H và ông C đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Châu Minh C.

Về con chung: Bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Ngọc H xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2019, bị đơn ông Châu Minh C trình bày: Ông Châu Minh C và bà Võ Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2018, ông C và bà H đến với nhau do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra đến năm 2019 thì vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà H bỏ về nhà mẹ ruột ở Tiền Giang. Bà H bỏ đi từ năm 2019 đến nay và không quan tâm đến gia đình. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông C đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Ông Châu Minh C và bà Võ Ngọc H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Châu Minh C xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Ngọc H nộp đơn xin ly hôn đối với ông Châu Minh C. Ông Châu Minh C hiện đang cư trú tại huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà ông C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2018 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông C không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi

người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà H thì giữa bà và ông C bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời ông Châu Minh C cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc H vì tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc H đối với ông Châu Minh C.

[5] Về con chung: Bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C xác nhận không có con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Võ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Ngọc H với ông Châu Minh C.

Bà Võ Ngọc H được ly hôn với ông Châu Minh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C xác nhận không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Ngọc H và ông Châu Minh C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Ngọc H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002235 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định